

Số: 212/BC-UBND

Lai Châu, ngày 28 tháng 7 năm 2017

## **BÁO CÁO**

### **Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng đầu năm 2017**

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư; Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư sử dụng vốn Nhà nước;

Căn cứ văn bản số 6081/BKHĐT-GSTĐĐT, ngày 27/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập báo cáo giám sát và đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng đầu năm 2017;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:**

Trong 6 tháng đầu năm 2017, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành một số văn bản hướng dẫn chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền. Các văn bản đã ban hành bao gồm:

- Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 9/01/2017 Quy định về thực hiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước 2017.

- Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 28/02/2017 triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện

nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 về công bố xếp loại đường bộ địa phương năm 2017 để tính giá cước vận tải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 11/5/2017 về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn Nhà nước.

- Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 ban hành Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Lai Châu.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 Sửa đổi Khoản 3, Điều 3 Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh.

- Công văn số 832/UBND-TH ngày 10/5/2017 về việc hướng dẫn tạm thời quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã và cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 2017.

Các văn bản được ban hành đảm bảo kịp thời, đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các chính sách pháp luật về đầu tư trên địa bàn tỉnh; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương trong việc thực hiện các trương trình, dự án đầu tư, phát huy hiệu quả các nguồn vốn Nhà nước.

## **II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH:**

### **1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch:**

- Thực hiện văn bản số 1619/BNG-UBBG ngày 5/5/2017 của Bộ Ngoại giao, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện biên giới cung cấp thông tin xây dựng Đề án quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới Việt nam - Trung Quốc giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn 2035.

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết dự án di dân, tái định cư thùy điện Huội Quảng (Quyết định số 184/QĐ-UBND, ngày 10/03/2017) và Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết dự án di dân, tái định cư thùy điện Bản Chát (Quyết định số 233/QĐ-UBND, ngày 24/03/2017).

- UBND tỉnh đã phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện dự án Điều chỉnh quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ

thông tin tỉnh Lai Châu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 582/QĐ-UBND, ngày 12/6/2017*).

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch được UBND tỉnh Lai Châu triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

## **2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch:**

- Công tác quy hoạch được UBND tỉnh Lai Châu chỉ đạo các ngành triển khai thực hiện đúng quy định. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực được cụ thể hóa trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và làm cơ sở để xây dựng danh mục các dự án đầu tư phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Các cấp, các ngành đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy hoạch, qua đó kịp thời chấn chỉnh và kiến nghị sửa đổi bổ sung quy hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

## **3. Các vướng mắc và kiến nghị biện pháp giải quyết:**

### **a) Các vướng mắc chính:**

- Hiện nay Trung ương vẫn chưa có văn bản Luật có tính pháp lý cao nhất để điều chỉnh các hoạt động về công tác quy hoạch, dẫn đến công tác lập và quản lý quy hoạch hiện nay còn tràn lan, chồng chéo, chưa hiệu quả. Chưa xây dựng kế hoạch tổng thể đầu tư các dự án đã quy hoạch.

- Công tác lập và trình duyệt các quy hoạch đã có nhiều tiến bộ, tuy nhiên tiến độ thực hiện còn chậm. Công tác giám sát thực hiện quy hoạch chưa được thực hiện thường xuyên, việc huy động các nguồn lực triển khai thực hiện các quy hoạch còn hạn chế nên các quy hoạch đã phê duyệt chưa thực sự phát huy được hiệu quả.

### **b) Kiến nghị biện pháp giải quyết:**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định quy hoạch. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng công tác lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện quy hoạch. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch từ tỉnh đến huyện; tăng cường hội nghị, hội thảo trao đổi kinh nghiệm về công tác lập, quản lý quy hoạch giữa các đơn vị.

- Thực hiện nghiêm việc công khai quy hoạch đến các ngành, tổ chức, cộng đồng dân cư được biết; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện quy hoạch, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện. Thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện quy hoạch.

### III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ:

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ: Tổng huy động vốn đầu tư phát triển trong 6 tháng đầu năm 2017 là 1.542,592 tỷ đồng; khối lượng thực hiện là 673,252 tỷ đồng; giải ngân là 630,030 tỷ đồng. Cụ thể theo nguồn vốn như sau:

+ *Vốn ngân sách Trung ương*: Kế hoạch vốn giao: 626,174 tỷ đồng; khối lượng thực hiện: 262,198 tỷ đồng; giá trị giải ngân: 211,535 tỷ đồng, bằng 34% kế hoạch.

+ *Vốn Cân đối ngân sách địa phương*: Kế hoạch vốn giao: 706,921 tỷ đồng; khối lượng thực hiện: 340,484 tỷ đồng; giá trị giải ngân: 348,473 tỷ đồng, bằng 49% kế hoạch.

+ *Vốn nước ngoài (ODA)*: Kế hoạch vốn giao: 27,144 tỷ đồng, khối lượng thực hiện: 45 tỷ đồng; giá trị giải ngân: 14,022 tỷ đồng, bằng 52% kế hoạch.

+ *Vốn trái phiếu Chính phủ*: Kế hoạch vốn giao: 135 tỷ đồng, khối lượng thực hiện: 25,570 tỷ đồng; giá trị giải ngân: 56 tỷ đồng, bằng 41% kế hoạch.

+ *Các nguồn vốn khác*: Kế hoạch vốn giao: 47,353 tỷ đồng; mới thực hiện phân bổ, chưa giải ngân.

### IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG:

#### 1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình:

Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các Chương trình theo đúng trình tự, thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thời gian quy định. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thuộc các Chương trình đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

#### 2. Tình hình thực hiện các chương trình:

- Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc các Chương trình đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền phê duyệt. Các dự án thành phần được triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, kế hoạch được duyệt.

- Về thực hiện kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu:

+ Tổng kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu: 295,642 tỷ đồng; khối lượng thực hiện: 153,029 tỷ đồng; giá trị giải ngân: 162,777 tỷ đồng, đạt 55 % kế hoạch vốn.

+ Tổng kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 330,532 tỷ đồng, khối lượng thực hiện: 100,169 tỷ đồng, giải ngân: 0,48 tỷ đồng, đạt 14,7 % kế hoạch vốn.

## V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC:

### 1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư:

Số dự án chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ là 50 dự án, số dự án được thẩm định là 14 dự án, số dự án có quyết định chủ trương đầu tư là 14 dự án. Các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh, huyện, thành phố; phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn cân đối khác đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn; phù hợp với khả năng vay - trả nợ của địa phương; bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

### 2. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư và thiết kế kỹ thuật - dự toán:

- Công tác lập, thẩm định, quyết định đầu tư và phê duyệt thiết bản vẽ thi công - dự toán các công trình, dự án được triển khai thực hiện bảo đảm theo đúng các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

- Trong kỳ số dự án có kế hoạch lập báo cáo nghiên cứu khả thi là 12 dự án (02 dự án nhóm B, 10 dự án nhóm C); số dự án được thẩm định trong kỳ là 18 dự án; số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ là 30 dự án (30 dự án nhóm C).

### 3. Tình hình thực hiện các dự án:

- UBND tỉnh cùng các Sở, ngành thường xuyên kiểm tra cơ sở để nắm bắt tình hình thực hiện các dự án, kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các dự án được triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, kế hoạch được phê duyệt, tuy nhiên trong kỳ có 01 dự án chậm tiến độ do gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng (*Cầu dân sinh Vàng Ý Chí, xã Bàn Lang, huyện Phong Thổ - Vốn ngân sách huyện*).

- Số dự án phải điều chỉnh: 11 dự án, trong đó 7 dự án điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư; 01 dự án điều chỉnh vốn đầu tư; 03 dự án phải điều chỉnh tiến độ vốn đầu tư.

### 4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết:

#### a) Các vướng mắc chính:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và hệ thống văn bản hướng dẫn còn nhiều bất cập, chưa được bổ sung sửa

đổi kịp thời nên các cấp, các ngành, các Chủ đầu tư vẫn còn lúng túng, khó khăn trong việc hoàn thiện các thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện.

- Quy trình thực hiện đầu tư trải qua nhiều bước, nhiều thủ tục, trong khi các kiến nghị về phân cấp, sửa đổi một số quy định về đầu tư chưa được Trung ương nghiên cứu, sửa đổi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản nói chung, đặc biệt là hệ thống Luật Đầu tư công.

- Đến nay Trung ương vẫn chưa có văn bản thẩm định nguồn vốn cho các dự án khởi công mới thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135), dẫn đến giải ngân chậm, khó khăn trong việc triển khai thực hiện chương trình.

- Điều kiện thời tiết không thuận lợi, mùa mưa đến sớm và kéo dài, trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã xảy ra nhiều trận mưa lớn gây nhiều thiệt hại về cơ sở vật chất cho địa phương, ảnh hưởng trực tiếp trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội nói chung và đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng.

- Một số công trình còn vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng do sự hiểu biết pháp luật của người dân còn hạn chế.

#### **b) Kiến nghị:**

- Đề nghị Trung ương sớm giao chi tiết kế hoạch trung hạn và năm 2017 đối với các nguồn vốn chưa được giao như: Kế hoạch trung hạn Chương trình MTQG; Kế hoạch trung hạn và năm 2017 vốn TPCP lĩnh vực giao thông, giáo dục, vốn nước ngoài thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh,...

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sớm ban hành các hướng dẫn lập kế hoạch 5 năm và hướng dẫn nội dung hỗ trợ sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để các địa phương triển khai thực hiện.

- Đề nghị Chính phủ cho phép không thực hiện quy định tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư đối với các Chương trình MTQG và các dự án nhóm C không phân biệt nguồn vốn.

- Đối với một số công trình sửa chữa, nâng cấp thuộc Chương trình MTQG không nhất thiết phải có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình mà căn cứ thực tế của công trình để thiết kế, đầu tư được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đề nghị xem xét sửa đổi Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn theo hướng:

+ Thu hẹp phạm vi lập, thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công, chỉ nên tập trung vào những chương trình lớn và dự án từ nhóm B trở lên. Còn lại: Đối với các dự án nhóm C (*kể cả nhóm C trọng điểm*), các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia,... đề nghị bỏ bước lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư, vì trên thực tế triển khai mất nhiều thời gian thực hiện.

+ Xem xét phân cấp, giao cho các địa phương chủ động và tự chịu trách nhiệm trong việc giao danh mục dự án cụ thể, điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hàng năm trong khuôn khổ tổng kế hoạch vốn được giao và mục tiêu của từng nguồn vốn. (*Việc phân cấp như vậy sẽ đảm bảo việc chỉ đạo, điều hành ở địa phương được linh hoạt như những năm trước đây, hạn chế tình trạng kết dư và chuyển nguồn vốn kéo dài sang năm sau*).

+ Xem xét phân cấp thực hiện thủ tục thẩm định nguồn vốn và phân vốn các chương trình MTQG và các dự án nhóm B, C sử dụng nguồn ngân sách Trung ương, vì mục tiêu, đối tượng, phạm vi sử dụng vốn được thực hiện theo các quy định cụ thể trong Nghị quyết của Quốc hội; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quyết định phê duyệt cơ chế quản lý thực hiện và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Hạn mức vốn của các tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số kiểm tra và thực hiện theo kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

- Đề nghị Chính phủ sớm có hướng dẫn cụ thể về định mức chi phí lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án.

- Đề nghị Trung ương giao kế hoạch vốn nước ngoài trong kế hoạch đầu tư công hàng năm được phép giải ngân theo tiến độ thực hiện và tiến độ cấp vốn của nhà tài trợ nước ngoài theo quy định tại tiết b, Khoản 2, Điều 76 Luật Đầu tư công quy định và khuyến khích đẩy nhanh tiến độ dự án, sớm phát huy hiệu quả đầu tư các dự án.

- Đề nghị sửa Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 theo hướng: Đối với các dự án trồng rừng và một số dự án có tính chất đặc thù, ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư đối với các dự án có quy mô từ nhóm C trở lên.

## **VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

Trong kỳ báo cáo tỉnh Lai Châu không có các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư được triển khai thực hiện. Do địa bàn tỉnh Lai Châu có nhiều khó

khăn về mặt địa lý, tiềm lực kinh tế của tỉnh còn hạn hẹp nên các nhà đầu tư ít quan tâm đến các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

## VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC

### 1. Việc thực hiện quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đăng ký kinh doanh:

Công tác thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh đã được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện nghiêm Chương trình hành động cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020. Số doanh nghiệp, HTX đăng ký thành lập mới, số dự án được cấp quyết định chủ trương đầu tư đã tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Cấp quyết định chủ trương đầu tư 10 dự án; cấp đăng ký thành lập 64 DN, 12 HTX. Việc thực hiện cấp quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đăng ký thành lập doanh nghiệp, HTX được thực hiện đúng theo các quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và đảm bảo thời gian theo quy định.

### 2. Các vướng mắc và kiến nghị biện pháp giải quyết:

#### a. Các khó khăn, vướng mắc:

- Tại Khoản 5 Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định tiền ký quỹ được nộp tiền vào tài khoản của Cơ quan đăng ký đầu tư mở tại Ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo lựa chọn của nhà đầu tư. Quy định này cũng nhắc, bó hẹp với một hình thức là nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản ký quỹ của cơ quan đăng ký đầu tư (*lãi suất của tài khoản ký quỹ quá thấp*) gây thiệt hại về kinh tế cho nhà đầu tư.

- Mục d Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư quy định về thành phần hồ sơ: "*Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư*". Do đó việc xác định Nhà đầu tư như thế nào là đủ năng lực khi xem xét đối với từng loại tài liệu và từng trường hợp là rất khó khăn. Nghị định 118/2015/NĐ-CP chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể.

- Tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Quy định điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư được quy định "*Có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta;*



không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên”. Trong khi Nghị định 118/2015/NĐ-CP không có quy định cụ thể về tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư, dẫn đến sự không đồng nhất, khó khăn trong quá trình thẩm định.

- Tại Khoản 5 Điều 33 Luật Đầu tư quy định “Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định theo quy định tại điều này trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan đăng ký đầu tư”. Việc quy định này chưa rõ về trách nhiệm của cơ quan quản lý về đất đai và cơ quan quản lý về quy hoạch, nội dung trích lục chưa cụ thể. Mặt khác việc cung cấp thông tin của cơ quan quản lý về đất đai không đầy đủ, không rõ ràng thì sẽ gây khó khăn cho cơ quan đăng ký đầu tư trong việc thẩm định cấp phép dự án.

Ngoài ra Khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư năm 2014 không yêu cầu Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là một thành phần hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh, tuy nhiên tại Mục a Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 quy định Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư.

**b. Kiến nghị biện pháp xử lý các khó khăn vướng mắc:**

- Tại Khoản 5 Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP: Để tạo điều kiện, tránh thiệt hại về kinh tế cho nhà đầu tư đề nghị bổ sung thêm hình thức bảo lãnh của tổ chức tín dụng để nhà đầu tư ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án.

- Nghị định 118/2015/NĐ-CP cần bổ sung thêm điều khoản quy định, hướng dẫn cụ thể về từng loại tài liệu (báo cáo tài chính của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư) và từng lĩnh vực dự án đầu tư (như: Thương mại, du lịch dịch vụ, khoáng sản, thủy điện, nông lâm nghiệp, ...) để thực hiện quy định tại Mục d Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

- Hướng dẫn thực hiện Khoản 5 Điều 33 Luật Đầu tư làm rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý về đất đai và cơ quan quản lý về quy hoạch, nội dung trích lục.

- Đề nghị hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục, thời điểm đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc diện phải đánh giá tác động môi trường để đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư đối với các dự án sau cấp chủ trương và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

#### VIII. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC:

Các cấp, các ngành, các Chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh đã thực hiện kiểm tra được 55 dự án. Qua kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư không phát hiện thất thoát lãng phí trong đầu tư. Hầu hết các đơn vị trên địa bàn lĩnh đều thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo gửi cơ quan tổng hợp và UBND tỉnh, tuy nhiên vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định, đặc biệt là việc cập nhật thông tin các chương trình, dự án và gửi số liệu báo cáo lên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

#### IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

- Công tác giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn đã được Ủy ban MTTQ các cấp triển khai quán triệt. Đến nay 108/108 xã, phường trên toàn địa bàn tỉnh Lai Châu đã thành lập Ban giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện giám sát các dự án đầu tư trên địa bàn, điển hình là các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên do kinh phí dành cho công tác giám sát đầu tư hạn chế nên công tác giám sát đầu tư cộng đồng chưa được thực hiện thường xuyên.

Trên đây là báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng đầu năm 2017, UBND tỉnh Lai Châu gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

#### *Nơi nhận:*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT, UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Giảng A Tỉnh





**Phụ biểu 2**  
**Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công**  
 (Kèm theo Báo cáo số 212/BC-UBND) ngày 28 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh



TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
<b>I</b>	<b>Chủ chương trình</b>			
1	Số lượng	3	4	0
2	Tổng vốn kế hoạch	330.532	295.642	0
3	Giá trị thực hiện	100.169	153.029	0
4	Giá trị giải ngân	48.758	162.777	0
<b>II</b>	<b>Chủ dự án thành phần</b>			
1	Số lượng	8	19	0
2	Tổng vốn kế hoạch	330.532	295.642	0
3	Giá trị thực hiện	100.169	153.029	0
4	Giá trị giải ngân	48.758	162.777	0
<b>III</b>	<b>Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình</b>			
1	Số lượng	8	12	0
2	Tổng vốn kế hoạch	330.532	295.642	0
3	Giá trị thực hiện	100.169	153.029	0
4	Giá trị giải ngân	48.758	162.777	0

**Ghi chú:**

1. CTMTQG:
2. CTMT:
3. CTMTĐP:

Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Chương trình mục tiêu do Chính phủ quyết định Chủ trương

Chương trình mục tiêu do địa phương quyết định Chủ trương

Phụ biểu 03

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước  
(Kèm theo Báo cáo số 212/BG-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Lai Châu)



TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn									
		Tổng số	A	B	C	Dự án đầu tư công									
						Dự án sử dụng NSTW				TPCP	ODA	NSDP	Vốn ĐTC khác	DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC	
						Tổng số	A	B	C						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Chuẩn bị đầu tư														
i	Chủ trương đầu tư														
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư	47	0	0	47	2	0	0	2	15	4	10	18	0	
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ	13	0	0	13	2	0	0	2	2	0	9	0	0	
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ	13	0	0	13	2	0	0	2	2	0	9	0	0	
2	Quyết định đầu tư														
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ	10	0	0	10	2	0	0	2	1	1	7	0	0	
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ	16	0	0	16	2	0	0	2	2	1	11	1	0	
c	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ	28	0	0	28	0	0	0	0	2	1	24	1	0	
II	Thực hiện đầu tư														
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	285	0	12	273	77	0	7	70	5	4	160	43	0	
a	Số dự án chuyển tiếp	200	0	11	189	69	0	7	62	4	2	107	23	0	
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ	85	0	1	84	8	0	0	8	1	2	53	20	0	
2	Số dự án thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	178	0	6	172	36	0	1	35	4	1	63	7	0	









Phụ biểu 05

Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng vốn nguồn vốn nhà nước  
(Kèm theo Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017)



TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án đầu tư				Dự án trong nước	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư	12	0	0	0	0	12	
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư	10	0	0	0	0	10	
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	0	0	0	0	0	0	
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ	0	0	0	0	0	0	
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	0	0	0	0	0	0	
	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	0	0	0	0	0	0	
	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	0	0	0	0	0	0	
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):	37.312	0	0	0	0	37.312	
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư	37.312	0	0	0	0	37.312	
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ	2.596	0	0	0	0	2.596	
-	Dự án đăng ký mới	2.596	0	0	0	0	2.596	
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư	0	0	0	0	0	0	
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):	0	0	0	0	0	0	
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện	0	0	0	0	0	0	
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	100	0	0	0	0	100	
	Vốn chủ sở hữu	100	0	0	0	0	100	
	Vốn vay	0	0	0	0	0	0	
	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư	0	0	0	0	0	0	
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ	5	0	0	0	0	5	
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ	1	0	0	0	0	1	
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	0	0	0	0	0	0	
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ	2	0	0	0	0	2	
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ	2	0	0	0	0	2	
a	Số dự án có lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)	0	0	0	0	0	0	